TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/DS-ST
Ngày: 29-11-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoà;

2. Ông Nguyễn Lộc.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2453/2024/QĐXXS-DS, ngày 06 tháng 11 năm 2024 và Thông báo chuyển thời gian xét xử số: 2654/2024/TB-TA ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Trần Thanh Mỹ H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Trú tại: 10 N, khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Lê Khánh S, sinh năm 1987 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Trú tại: 10 N, khu phố T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024, qua trình giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T trình bày:

Trước đây chị và chị Trần Thanh Mỹ H quen biết nhau thông qua vợ chồng chị Nguyễn Nhật Dạ T, nên chị H có hỏi vay của chị 300.000.000 đồng, thì chị

đồng ý, do ngày 19/02/2024 chị bận công việc không gặp chị H đưa tiền trực tiếp được, nên chị đưa tiền 300.000.000 đồng nhờ chị T1 đưa lại cho chị H số tiền trên và sáng ngày 19/02/2024, tại nhà chị T1, chị T1 đưa tiền mặt cho chị H 30.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản chị H là 270.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong chị H ký vào giấy mượn tiền mà trước đó chị đã soạn sẵn nhờ chị T1 đưa chị H ký tên. Mục đích chị H vay để đáo hạn ngân hàng, hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ là sau 30 ngày kể từ khi vay, khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất, từ khi vay cho đến nay chị H đã chuyển vào số tài khoản của chị trả cho chị được 57.600.000 đồng, hiện nay chị H còn nợ của chị là 242.400.000 đồng, đối với khoản nợ trên chị đã nhiều lần đến nhà chị H đòi nợ, nhưng chị H hứa sẽ trả cho chị nhưng đến nay vẫn không chịu trả.

Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 19/02/2024 do một mình chị H ký tên và nhận tiền, anh S không có ký tên trong giấy vay tiền này, nhưng khi vay chị H nói vay tiền của chị về để đáo hạn ngân hàng, nên chị xác định giữa anh S và chị H có thỏa thuận việc vay tiền của chị, nên anh S phải có nghĩa vụ cùng chị H trả nợ chung.

Vì vậy nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị H, anh S có nghĩa vụ trả cho chị 242.400.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

Theo các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thanh Mỹ H trình bày:

-Chị công nhận vào ngày 19/02/2024 chị có vay chị Huỳnh Ngọc T 300.000.000 đồng, giấy vay tiền do chị T soạn, chị ký vào bên người vay tiền, trong đó chị T đưa tiền mặt cho chị 30.000.000 đồng, còn chuyển vào tài khoản của chị là 270.000.000 đồng (nhưng do sáng hôm đó chị T bận việc nên có nhờ chị Nguyễn Nhật Dạ T1, bạn chị T đưa tiền và chuyển khoản cho chị), chị vay tiền của chị T để giải quyết công việc riêng của chị, chồng chị anh Lê Khánh S không biết việc vay mượn này và chị cũng không sử dụng số tiền này để cho con ăn học hay phục vụ nhu cầu ăn uống của gia đình.

Từ khi vay cho đến nay chị đã chuyển vào tài khoản chị T trả cho chị T được 57.600.000 đồng (Có bảng sao kê chuyển khoản chị đã cung cấp cho Tòa), hiện nay chị còn nợ chị T 242.400.000 đồng, như chị T trình bày là đúng. Khoản nợ này là nợ riêng của chị không liên quan gì đến anh S, nên chị chịu trách nhiệm trả nợ riêng cho chị T, nhưng hiện tại chị làm ăn bị vỡ nợ chưa có khả năng thanh toán nợ chị T, nên chị không cam kết thời gian nào sẽ trả nợ cho chị T được, khi nào chị làm ăn có tiền sẽ trả cho chị T.

Vắng mặt tại Tòa hôm nay, nhưng theo các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Khánh S trình bày:

Ngày 19/02/2024 vợ anh là chị Trần Thanh Mỹ H có vay chị Huỳnh Ngọc T 300.000.000 đồng, việc vay mượn giữa vợ anh và chị T thì anh không biết và anh cũng không có ký nhận nợ gì của chị T, chị H vay số tiền này cũng không bàn bạc gì với anh, cũng không đầu tư mua săm bất cứ tài sản gì, không sử dụng

số tiền này để chi tiêu trong gia đình, hay cho con ăn học, nên anh xác định số nợ này là nợ riêng của chị H không liên quan gì đến anh, nên anh không đồng ý cùng chị H trả số nợ 242.400.000 đồng theo như yêu cầu của chị T.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân S.

Về nội dung vụ án:

-Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

-Buộc chị Trần Thanh Mỹ H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền 242.400.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm nghìn) đồng.

-Bác yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc T về việc yêu cầu anh Lê Khánh S cùng chị H có nghĩa vụ trả số nợ chung vì không có căn cứ.

- Buộc chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật, để sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Huỳnh Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án dân S tranh chấp hợp đồng vay sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân S. Vụ án này có bị đơn là chị Trần Thanh Mỹ H, hiện đang cư trú tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định, vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Xuất phát từ mối quan hệ quen biết từ trước thông qua vợ chồng chị Nguyễn Nhật Dạ T1, nên ngày 19/02/2024 chị Huỳnh Ngọc T có cho chị Trần Thanh Mỹ H vay số tiền 300.000.000 đồng , do bận công việc chị T nhờ chị T1 đưa tiền mặt cho chị H 30.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản chị H là 270.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong chị H ký vào giấy mượn tiền mà trước đó chị T đã soạn sẵn nhờ chị T1 đưa chị H ký tên (và tại bản tự khai ngày 14/10/2024 chị Nguyễn Nhật Dạ T1 chị T1 cũng xác nhận do sáng ngày 19/02/2024 chị T bận công việc, nên có đưa cho cho chị 300.000.000 đồng để cho chị T vay, nên chị đưa cho chị T 30.000.000 đồng tiền mặt và 270.000.000 đồng chuyển vào tài khoản chị H, số tiền 300.000.000 đồng này là tiền của chị T cho chị H vay không liên quan gì đến chị,) mục đích chị H vay để đáo hạn ngân hàng, hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ là sau 30 ngày kể từ khi vay, khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất, từ khi vay cho đến nay chị H đã chuyển vào số tài khoản của chị T trả cho chị T được 57.600.000 đồng, hiện nay chị H còn nợ của chị T là 242.400.000 đồng. Chị H cũng công nhận hiện nay còn nợ

chị T số tiền 242.400.000 đồng như chị T trình bày là đúng . Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 466, 469 của Bộ luật Dân S chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc T buộc chị Trần Thanh Mỹ H phải trả cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền 242.400.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của chị T yêu cầu anh Lê Khánh S có nghĩa vụ cùng chị H trả nợ chung, thì thấy rằng việc chị H vay tiền chị T, thì anh S không biết, không ký nhận vào giấy vay tiền, trong quá trình vay tiền, thì chị T cũng như bản thân chị H cũng không báo cho anh S biết; Mặc khác chị H sử dụng số tiền vay này vào mục đích cá nhân, giải quyết công việc riêng của chị H, không phải sử dụng số tiền này vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình, theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung tài sản vợ chồng, thì khoản 2 Điều 37 quy định như sau "*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*" .

Nhu cầu thiết yếu: "*Là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình".*

Vì vậy không có căn cứ để buộc anh S có nghĩa vụ cùng chị H trả nợ chung, nên bác yêu cầu này của chị T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu của chị H, yêu cầu được trả số nợ 242.400.000 đồng cho chị T khi nào chị làm ăn có tiền mới trả, chứ không ấn định thời gian trả nợ cụ thể, chị T không đồng ý phương thức trả nợ như trên, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của chị H.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân S và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật là 12.120.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị T.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T.

1. Buộc chị Trần Thanh Mỹ H có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền 242.400.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn)* đồng.

2. Bác yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc T, về việc yêu cầu anh Lê Khánh S cùng chị Trần Thanh Mỹ H trả nợ chung vì không có căn cứ.

3. Về án phí Dân S sơ thẩm: Buộc chị Trần Thanh Mỹ H phải chịu 12.120.000 đồng (*Mười hai triệu một trăm hai mươi nghìn*) đồng, án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho chị Huỳnh Ngọc T 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004333, ngày 04-10-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

4.Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2.Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy đinh tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Định;
-VKSND huyện P;
-CC THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tân